

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN CÁC QUỸ MỞ NĂM TÀI CHÍNH 2023



VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

TP. HCM
Ngày 16 tháng 04 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
9h – 9h15	Khai mạc Đại hội - Thông qua tính hợp lệ của Đại hội - Phát biểu khai mạc Đại hội
9h15 – 10h	Phản báo cáo - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Quỹ - Kế hoạch hoạt động và chiến lược đầu tư năm 2024 của Quỹ - Báo cáo giám sát của Ngân hàng Giám sát - Những vấn đề khác
10h – 10h20	Phản biểu quyết
10h20 – 10h50	Thảo luận và trao đổi
10h50 – 11h	Bế mạc Đại hội - Công bố kết quả biểu quyết của Ban kiểm phiếu - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Tuyên bố bế mạc Đại hội

Phần I

KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

Phần II

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Phần III

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Phần IV

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

PHẦN I

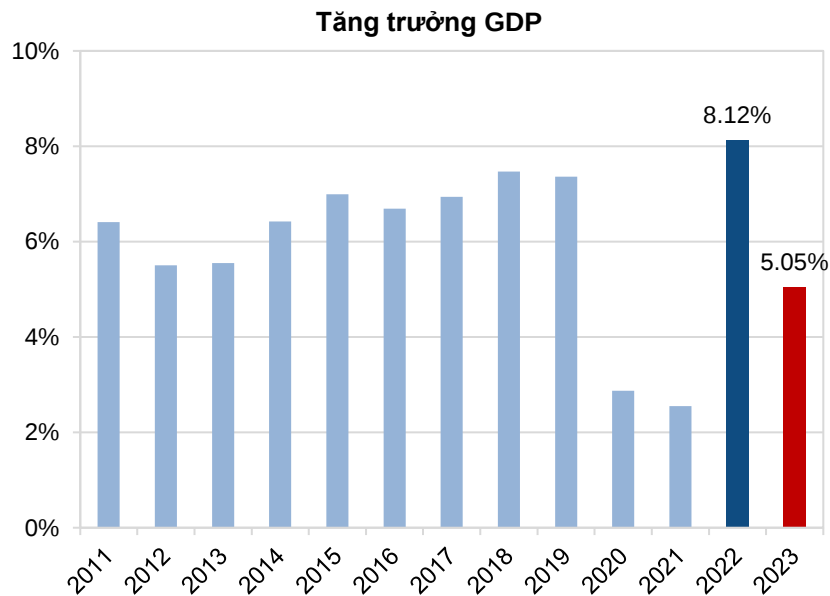
KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023



MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

GDP 2023 TĂNG TRƯỞNG NHƯNG DƯỚI KẾ HOẠCH

- **GDP 2023** tăng trưởng 5,05%, chỉ cao hơn năm 2020-2021 và thấp hơn so với kế hoạch là 6,50%.
- **Dịch vụ** là động lực tăng trưởng chính, tăng 6,82% và đóng góp gần 2/3 tổng tăng trưởng và 325 bps.
- **Công nghiệp và xây dựng** tăng 3,74%, đóng góp 151 bps.
- **Nông, lâm nghiệp và thủy sản** tăng 3,83%, đóng góp 46 bps.



CƠ CẤU TĂNG TRƯỞNG

- Ngành xây dựng (+7,06%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (+12,24%) là những ngành tích cực nhất.
- Tiêu dùng chỉ tăng 3,52% do sức mua còn yếu.
- Tích lũy tài sản và cán cân thương mại lần lượt đóng góp 134 bps và 160 bps vào tăng trưởng chung.

CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ

Không có các cú “shock” như 2022

Khởi dịch vụ và du lịch hồi phục

Chính sách tài khóa và tiền tệ đều mở rộng

Lạm phát hạ nhiệt

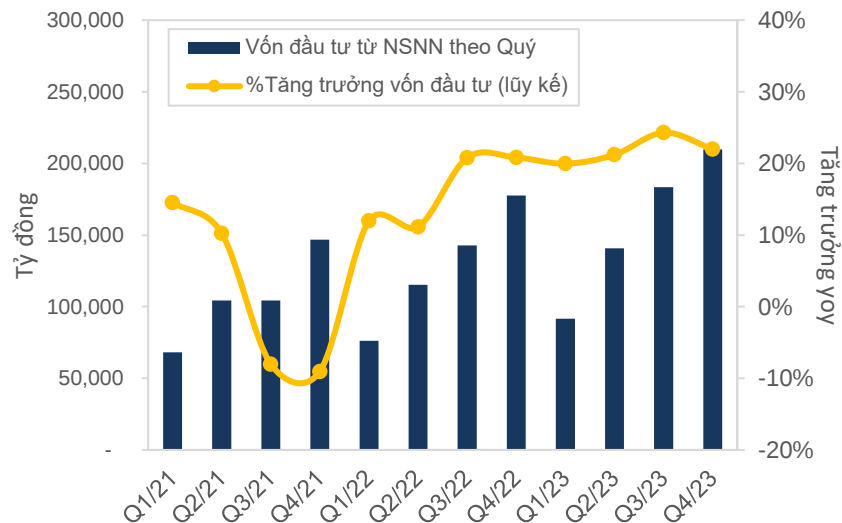
Kinh tế toàn cầu vẫn chưa hoàn toàn phục hồi

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

ĐẦU TƯ CÔNG HỖ TRỢ TÍCH CỰC CHO TĂNG TRƯỞNG

- Giải ngân đầu tư công năm 2023 đạt 662,5 nghìn tỷ đồng, đạt 93,12% kế hoạch, cao hơn 0,15% về tỷ lệ, cao hơn 123,3 nghìn tỷ đồng so với 2022.
- Năm 2024, Quốc hội đã thông qua kế hoạch vốn cho năm 2024 là 688,4 nghìn tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch năm 2023.

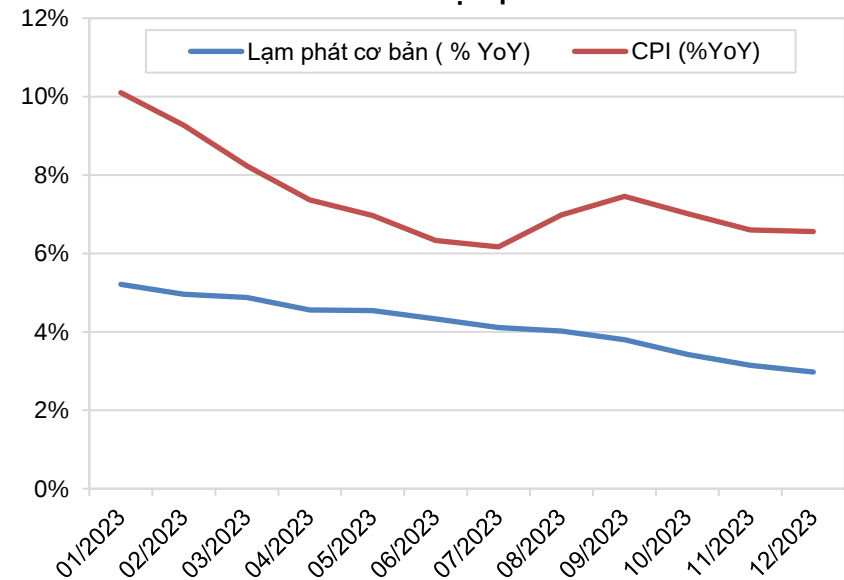
Vốn đầu tư từ nguồn Ngân sách Nhà nước



LẠM PHÁT ĐƯỢC KIỂM SOÁT TỐT

- **CPI 2023** tăng 3,25%, **lạm phát lõi** tăng 4,16%, đạt mục tiêu đề ra đầu năm là dưới 4,5%.
- Giá nguyên vật liệu cơ bản như sắt thép, dầu khí, v.v giảm mạnh từ đỉnh 2022.
- Tạo điều kiện để thực giảm mật bằng lãi suất, giảm thuế giá trị gia tăng, v.v, để hỗ trợ kinh tế.

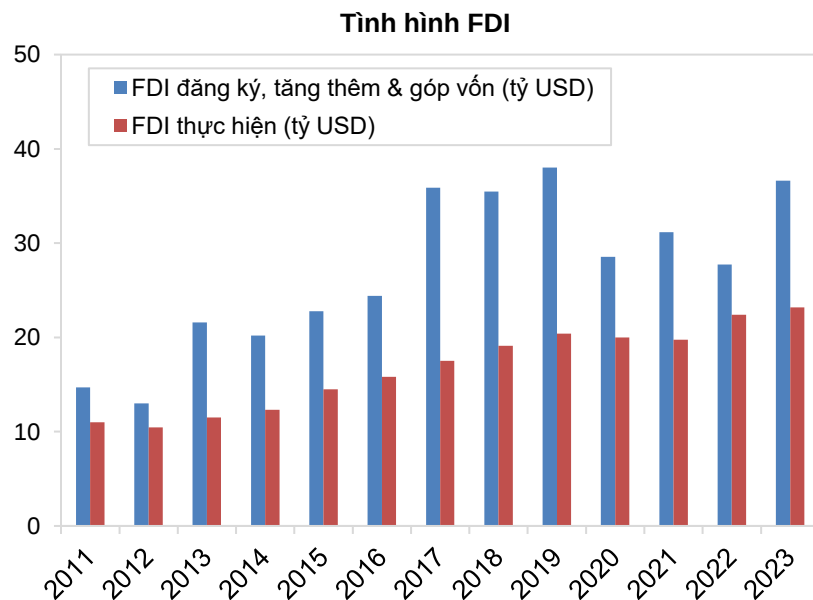
Diễn biến lạm phát



MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

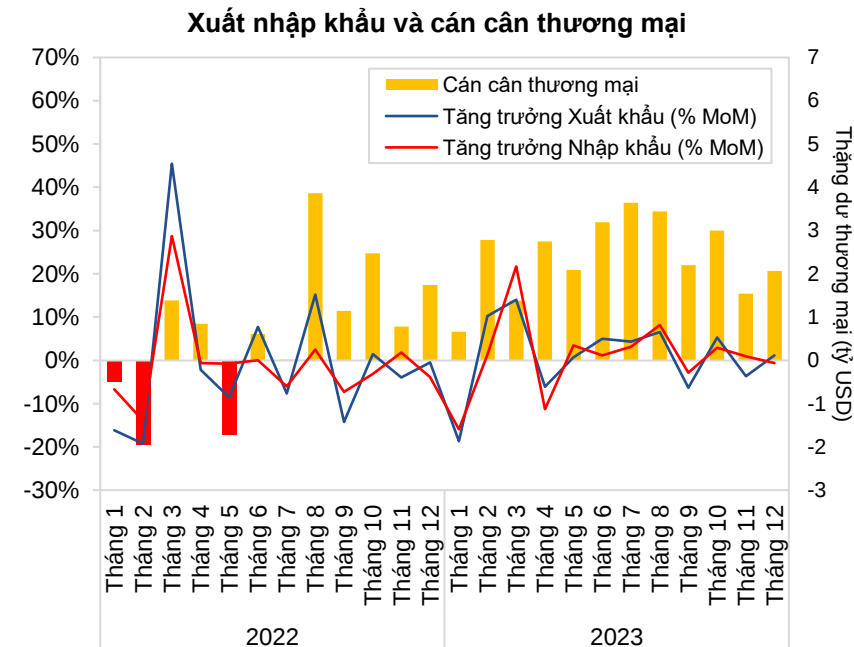
VỐN FDI HỒI PHỤC MẠNH

- **Tổng vốn FDI đăng ký** trong 2023 đạt 36,6 tỷ USD, tăng 32%.
- **FDI cấp mới** tăng 62%, đạt 20,2 tỷ USD, trong khi số sự án lại tăng 56,6%.
- **FDI thực hiện** đạt 23,2 tỷ USD, tăng 3,5%, đạt mức kỷ lục mới.



XUẤT NHẬP KHẨU PHỤC HỒI Ở HAI THÁNG CUỐI NĂM

- **Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu** đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% yoy do tình hình mua hàng từ các thị trường chính chậm lại, tuy nhiên lại cải thiện tích cực trong 2 tháng cuối năm.
- **Xuất khẩu** đạt 355 tỷ USD, giảm 4,4%.
- **Nhập khẩu** đạt 327 tỷ USD, giảm 8,9%.
- **Cán cân thương mại** thặng dư kỷ lục ở mức 28 tỷ USD.

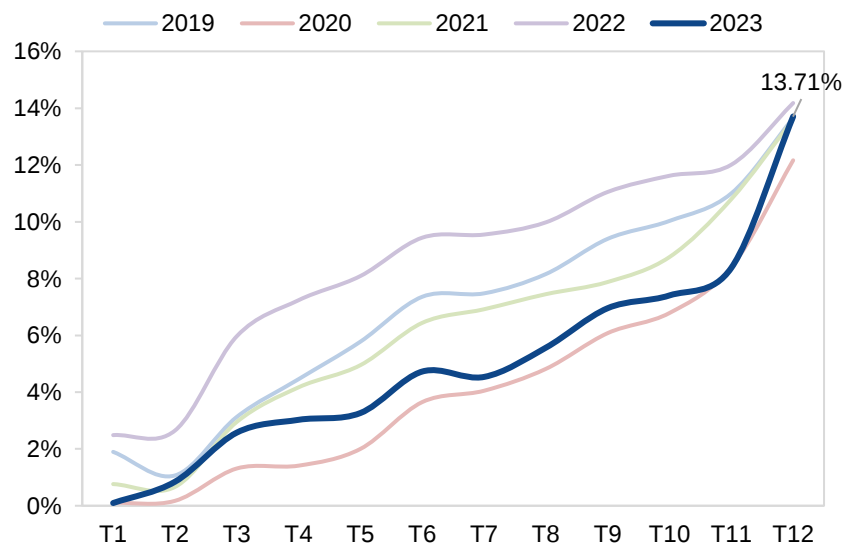


MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

TÍN DỤNG TĂNG TỐC ĐỘT NGỘT TRONG THÁNG 12

- Tín dụng tăng mạnh vào tháng cuối năm, đưa tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,71% cho cả năm, vẫn thấp hơn chỉ tiêu Chính phủ đề ra là 14-15%.
- Hệ thống đã bơm thêm 1,5 triệu tỷ đồng vào nền kinh tế, tổng tín dụng đạt 13,56 triệu tỷ đồng.

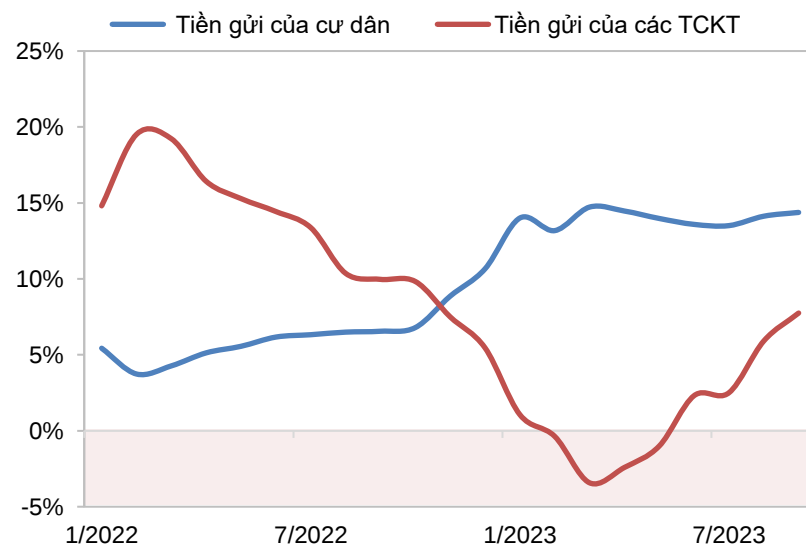
Tăng trưởng tín dụng qua các năm



TIỀN GỬI TĂNG NHANH NHẤT TRONG 10 NĂM

- Phương tiện thanh toán tới tháng 11/2023 đạt 15,35 triệu tỷ đồng, tăng 7,92% so với cuối 2022.
- Tiền gửi tổ chức kinh tế tăng 7,23%.
- Tiền gửi dân cư tăng 10,32%.

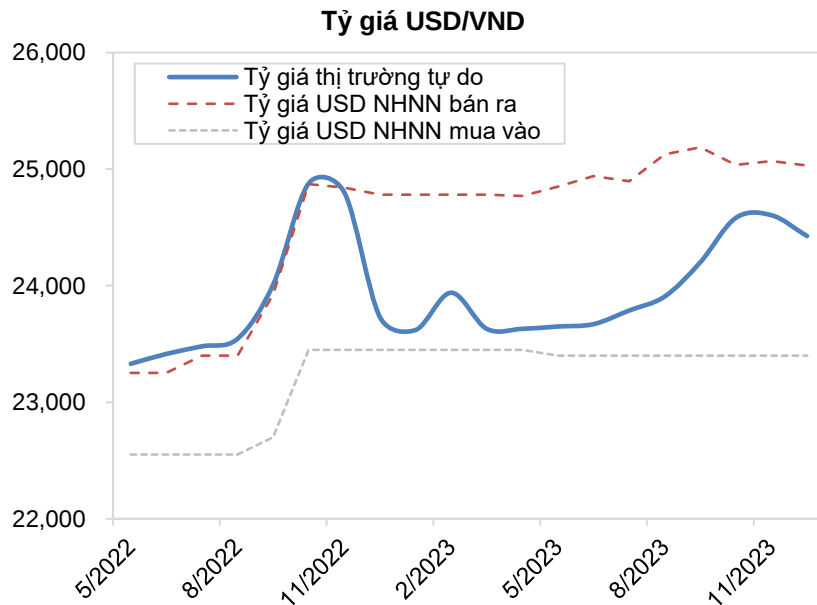
Tăng trưởng cung tiền theo từng loại (%YoY)



MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NĂM 2023

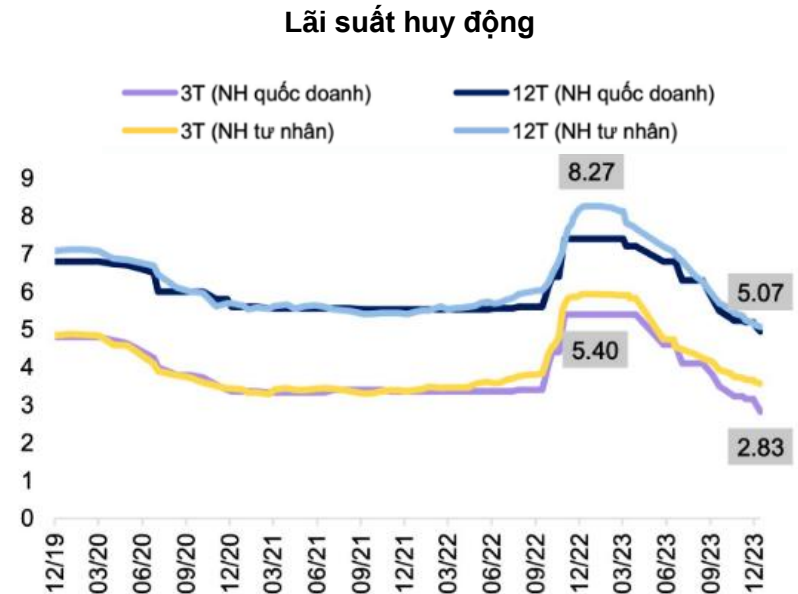
TỶ GIÁ ÁP LỰC Ở CUỐI NĂM

- Trong năm 2023, VND mất giá 2,9% so với USD dù đồng USD đã có phần hạ nhiệt (chỉ số sức mạnh đồng đô DXY giảm 2.1%).
- Nguyên nhân là do lệch pha chính sách tiền tệ giữa Việt Nam và Mỹ, ngoài ra nhu cầu đồng USD trong nước khá lớn.
- Dự trữ ngoại hối** dự báo đạt 100 tỷ USD, ứng với 17-18 tuần nhập khẩu.



LÃI SUẤT GIẢM MẠNH VỀ MỨC THẤP HƠN TRƯỚC DỊCH

- Lãi suất tiền gửi** nhìn chung giảm khoảng 2,5-3,0% so với cuối 2022, về mức thấp nhất trong 20 năm.
- Lãi suất huy động trung bình toàn hệ thống chỉ còn 3,5%.
- Lãi suất cho vay** mới bình quân ở cuối 2023 ở mức 6,7%.
- Mặt bằng lãi suất thấp chưa có dấu hiệu thúc đẩy nhu cầu đầu tư sản xuất, nhưng đã làm gia tăng nhu cầu cho tài sản rủi ro.



THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU NĂM 2023

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHỤC HỒI



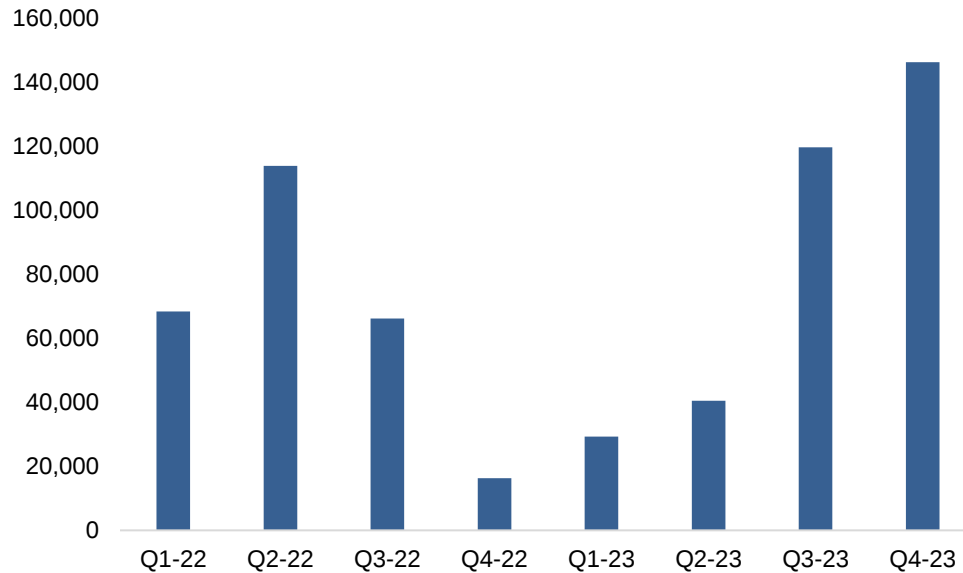
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP NĂM 2023

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2023

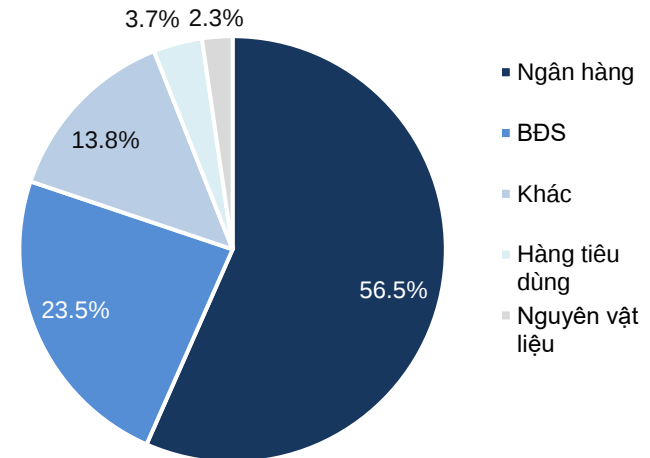
Tính cả năm 2023, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là **311.240 tỷ đồng**, gồm 29 đợt phát hành ra công chúng trị giá 37.071 tỷ đồng (chiếm 11,9% tổng giá trị phát hành) và 286 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 275.028 tỷ đồng (chiếm 88,1%).

Ngân hàng là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với **176.006 tỷ đồng** (tương đương 56,5% tổng giá trị phát hành), theo sau là nhóm **Bất động sản** với **73.202 tỷ đồng** (chiếm 23,5%).

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)



Giá trị phát hành theo nhóm ngành

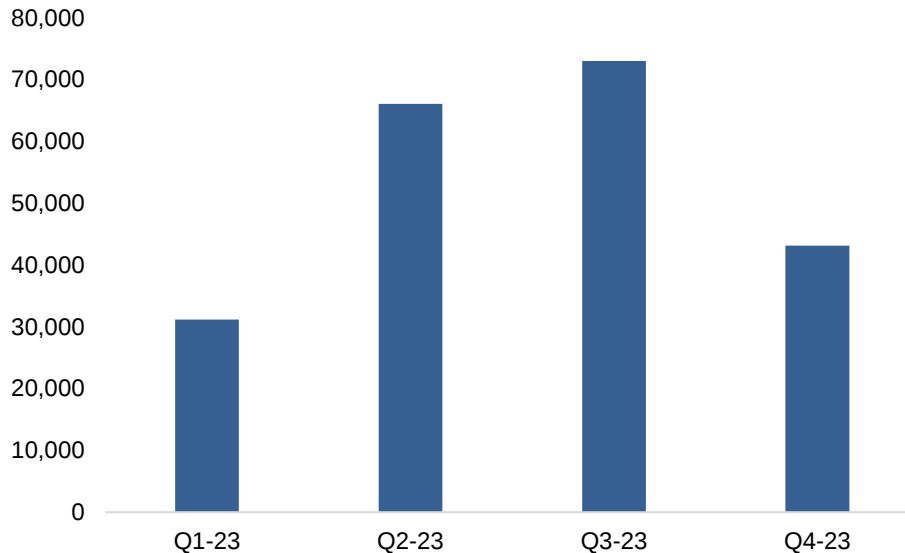


THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP NĂM 2023

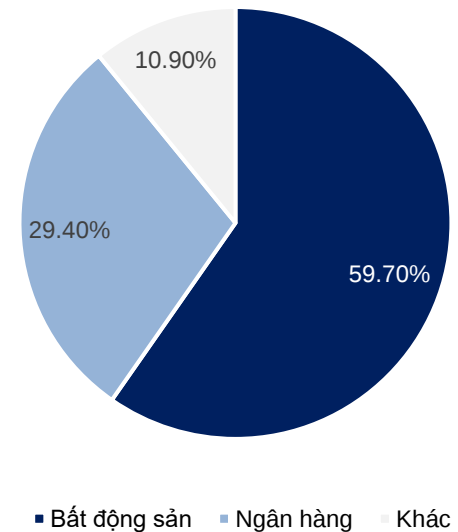
NĂM 2023 LÀ NĂM CÓ LƯỢNG TPDN ĐÁO HẠN LỚN NHẤT TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY

2023 là năm có lượng TPDN đáo hạn lớn nhất từ trước đến nay, với tổng giá trị TPDN riêng lẻ đáo hạn là **213.425** tỷ đồng, cao gấp gần 2 lần so với tổng giá trị đáo hạn trong năm 2022 (số liệu đã loại trừ lượng TPDN được mua lại trước hạn và lượng TPDN được gia hạn kỳ hạn).

Ước tính giá trị TPDN riêng lẻ đáo hạn theo quý năm 2023 (tỷ đồng)



Cơ cấu trái phiếu đáo hạn 2024



THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP NĂM 2023

HNX CHÍNH THỨC KHAI TRƯƠNG HỆ THỐNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ

Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) tại SGDK Hà Nội chính thức được khai trương và đi vào hoạt động từ ngày 19/7/2023

Việc trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ (TPDNRL) được đưa vào giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch TPDNRL tại Sở GDCK Hà Nội (HNX) được xem là bước chuyển dịch đáng kể trong việc **nâng cao tính công khai, minh bạch và thanh khoản** cho thị trường TPDNRL nói riêng và thị trường TPDN nói chung



PHẦN II

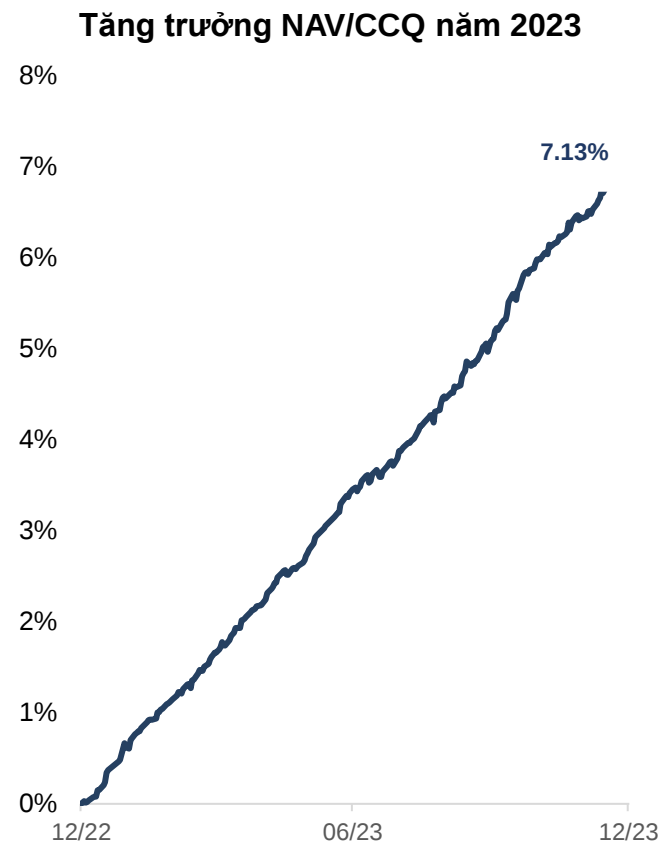
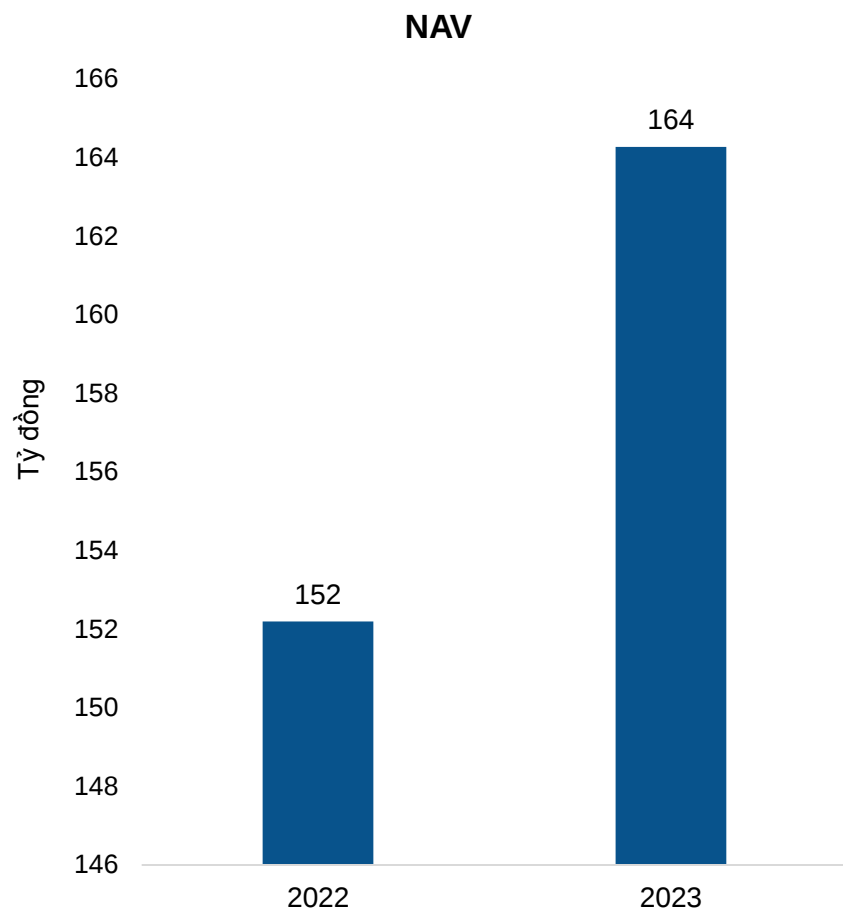
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PHÁT TRIỂN VIỆT NAM VCAM-NH
(VCAM-NH VABF)**



VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VCAM-NH VABF

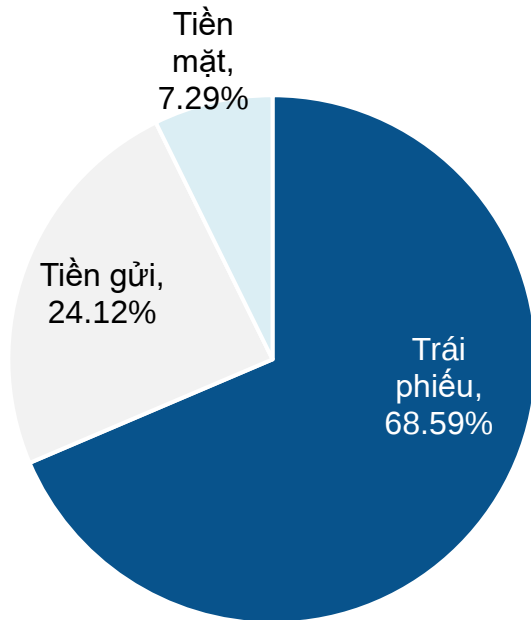


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VCAM-NH FY2023

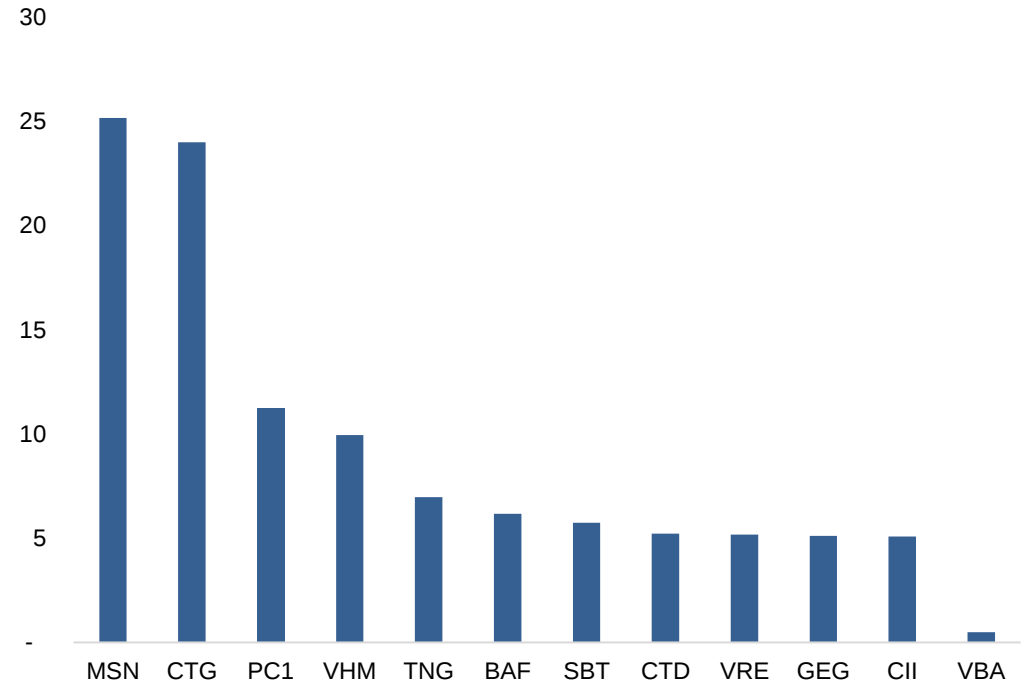
	2023	22/09/2022 – 31/12/2022
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	15.175.967,08	15.056.943,98
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (ĐVT: VND)	10.828,29	10.107,65
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ <i>cao nhất</i> trong kỳ (ĐVT: VND)	10.828,29	10.107,65
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ <i>thấp nhất</i> trong kỳ (ĐVT: VND)	10.108,99	9.972,38

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG CỦA VCAM-NH VABF

Phân bổ tài sản



Danh mục trái phiếu (tỷ đồng)



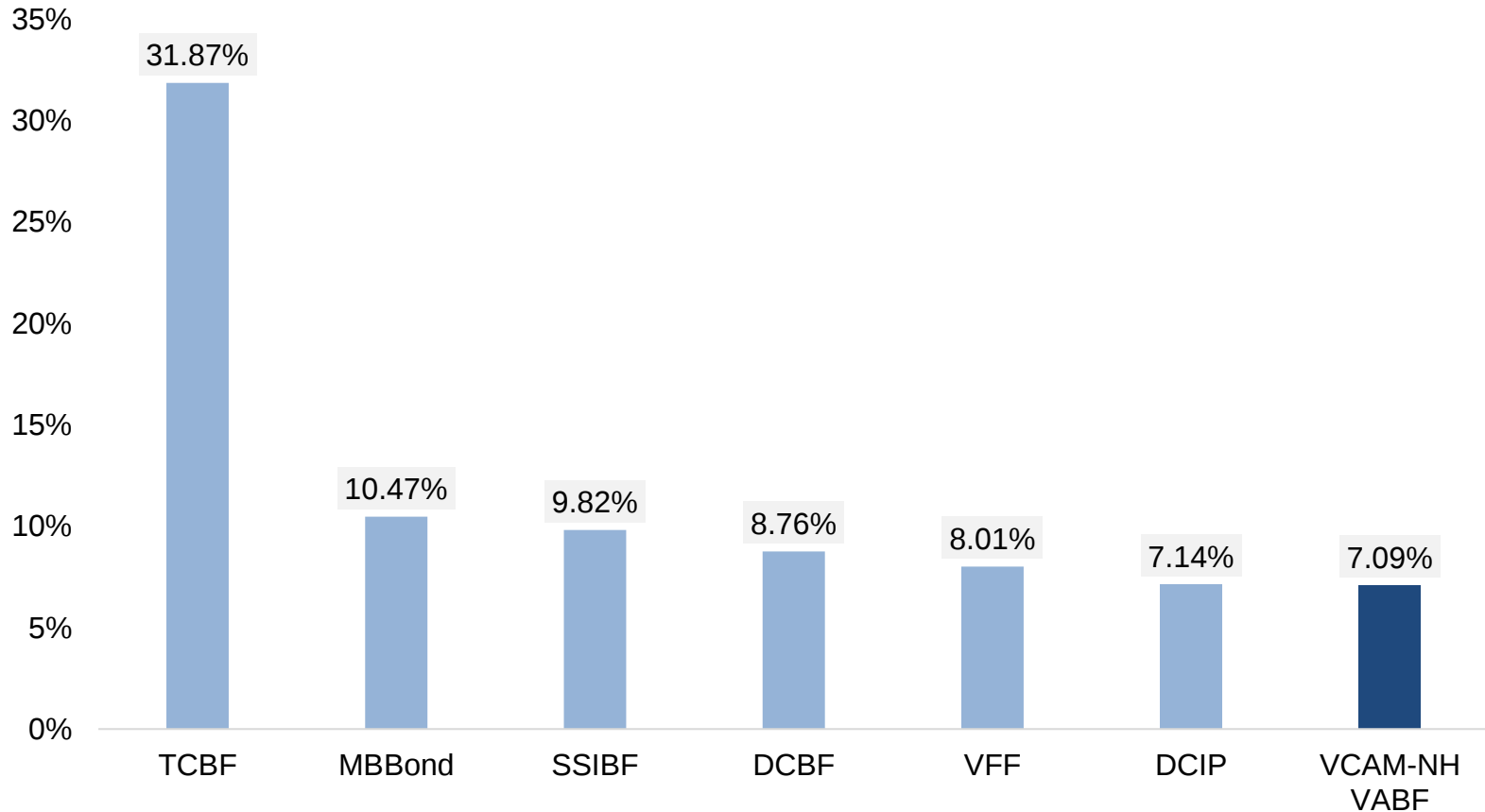
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VCAM-NH FY2023

ĐVT: VND	01/01/2023 – 31/12/2023	22/09/2022 – 31/12/2022
Tổng thu nhập của Quỹ	13.383.372.387	2.354.258.020
Thu nhập từ lãi tiền gửi	5.499.031.426	1.382.101.571
Thu nhập từ trái phiếu	7.713.624.062	972.753.487
Thu nhập từ bán các khoản đầu tư	179.144.639	63.014
Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(8.496.920)	(660.052)
Doanh thu khác về hoạt động đầu tư	69.180	
Tổng chi phí của Quỹ	2.477.608.090	695.118.223
LỢI NHUẬN CỦA QUỸ	10.905.764.297	1.659.139.797

	01/01/2023 – 31/12/2023	22/09/2022 – 31/12/2022
Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ	1,56%	1,75%

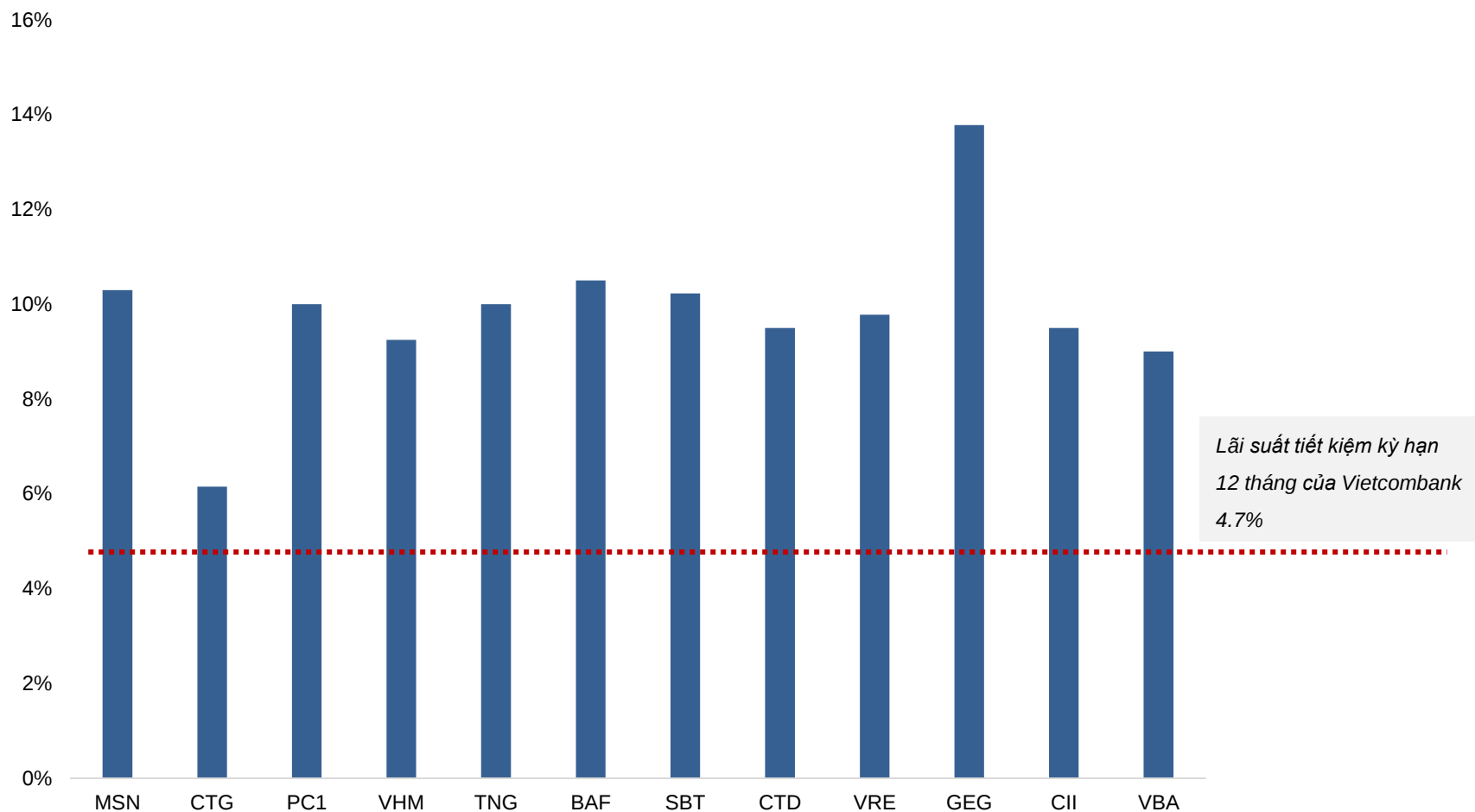
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA VCAM-NH VABF SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Hiệu quả Đầu tư các Quỹ Trái phiếu - 2023



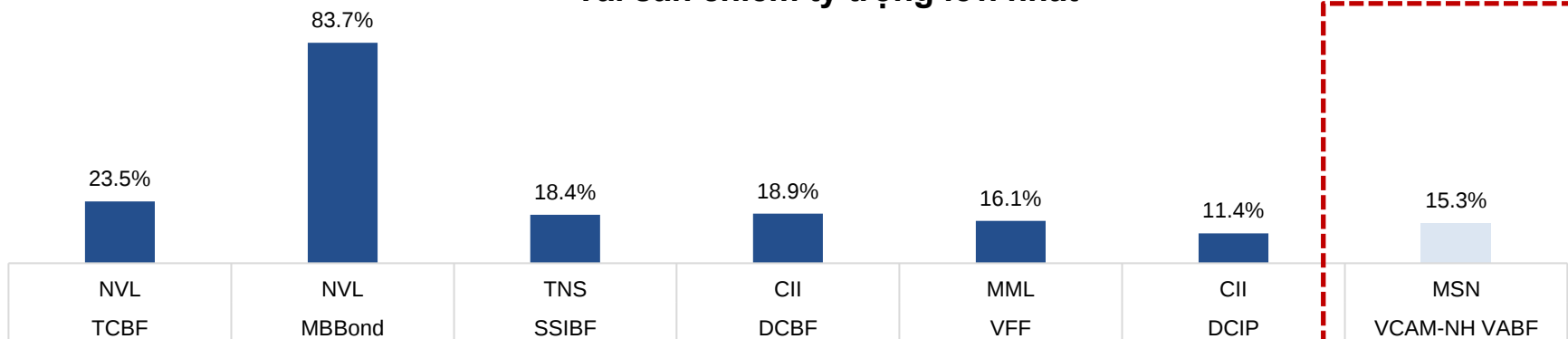
DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA VCAM-NH VABF TRONG 2023

Lãi suất của trái phiếu (%)

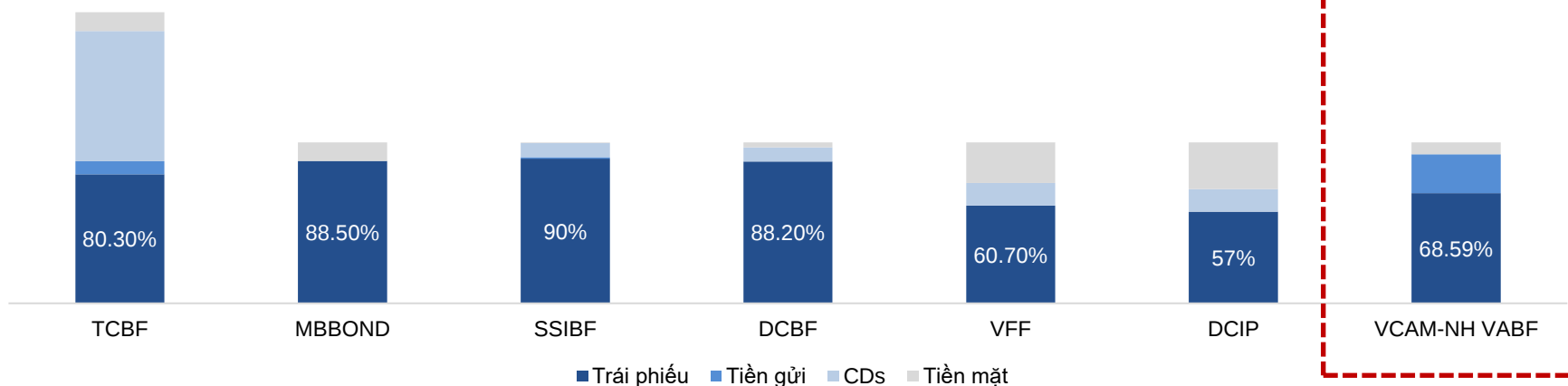


HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA VCAM-NH VABF SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất



Phân bổ tài sản của các Quỹ Trái phiếu



PHẦN II

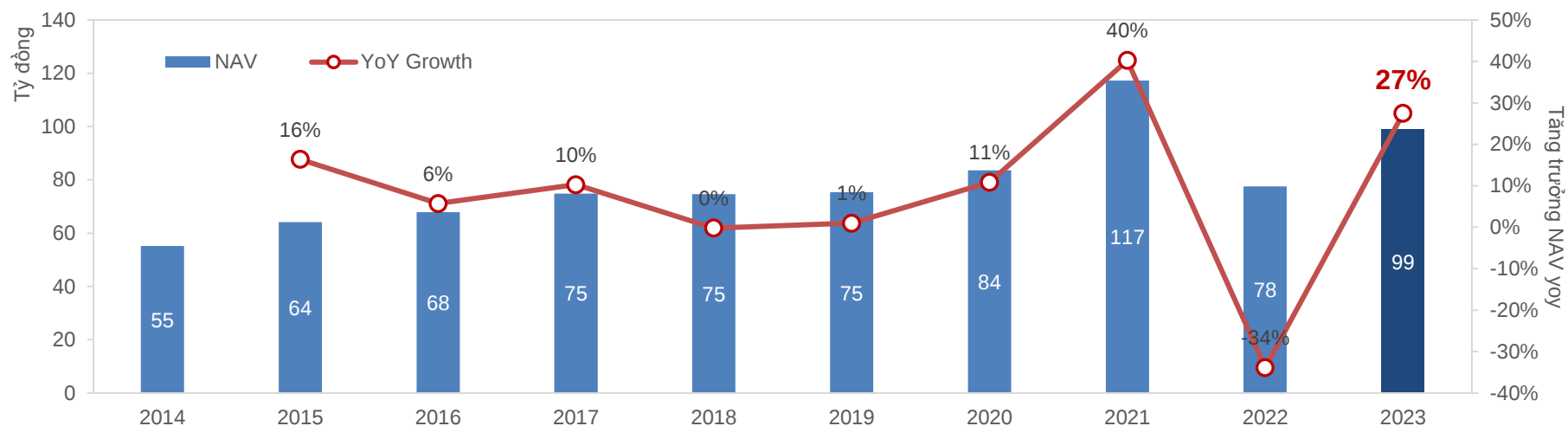
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT
(VCAMBF)**



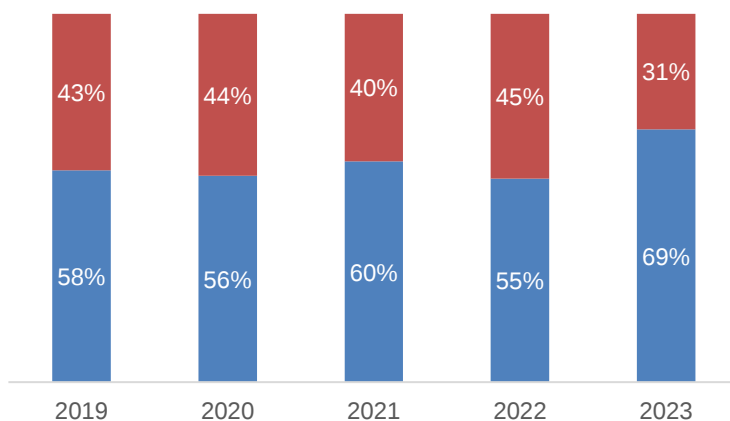
VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG CỦA VCAMBF

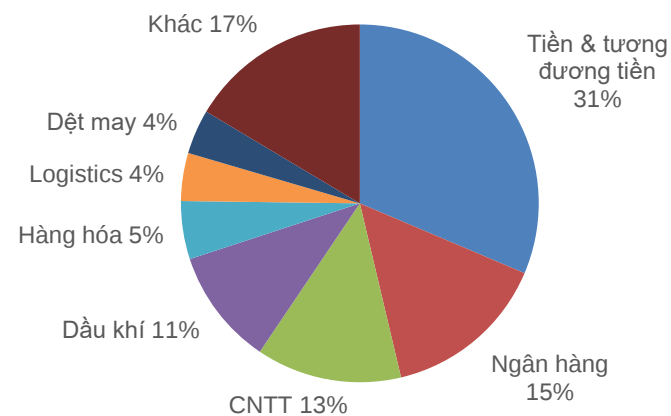


Phân bổ tài sản quỹ

■ % On trading ■ % Cash & deposits



Phân bổ theo ngành



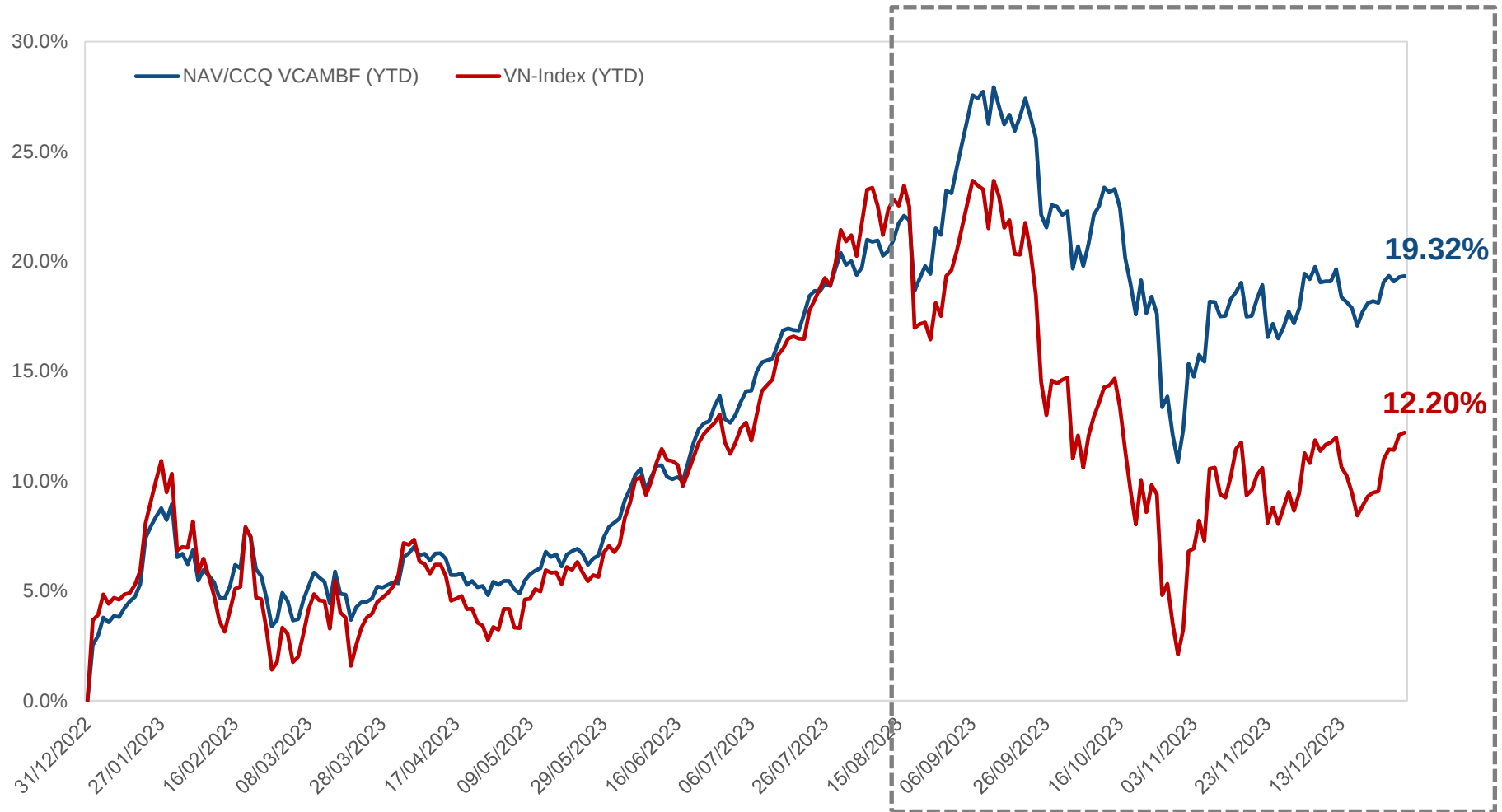
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VCAMBF

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
NAV/CCQ (Vnd)	10.792,48	12.123,50	12.524,25	11.751,86	11.918,00	12.831,87	16.577,32	13.513,83	16.125,14
<i>Cổ tức tiền mặt</i>	3%	7%	10%	-	5%	5%	5%	-	-
Tăng trưởng NAV/CCQ (SAU cổ tức)	8,9%	5,9%	9,5%	(6,4%)	1,4%	7,7%	9,2%	(18,5%)	19,3%
Tăng trưởng NAV/CCQ (TRƯỚC cổ tức)	12,0%	12,4%	18,4%	(6,4%)	5,5%	11,7%	32,9%	(18,5%)	19,3%
Vnindex	6,1%	14,8%	48,0%	(9,3%)	7,7%	14,9%	35,7%	(32,8%)	12,2%
Chỉ số tham chiếu	7,4%	8,6%	27,5%	(2,8%)	6,8%	10,4%	20,9%	(13,4%)	9,2%

Chỉ số tham chiếu của VCAMBF được tính bằng 50% lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Vietcombank và 50% tăng trưởng của Vnindex

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VCAMBF SO VỚI THỊ TRƯỜNG

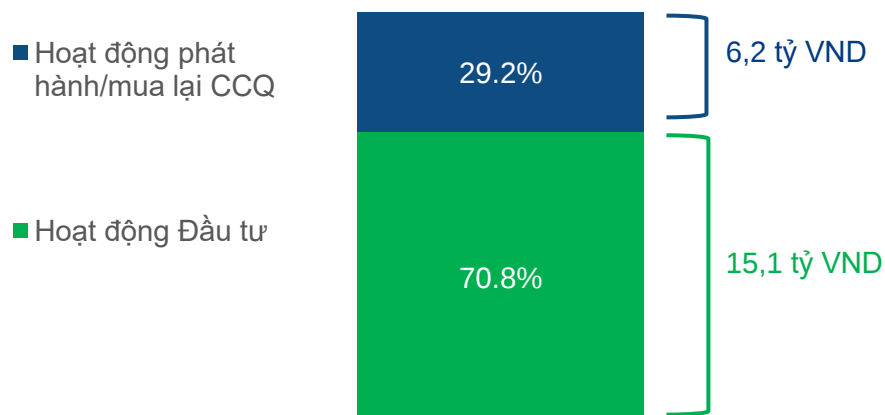
DIỄN BIẾN CỦA VCAMBF SO VỚI VNINDEX TRONG 2023



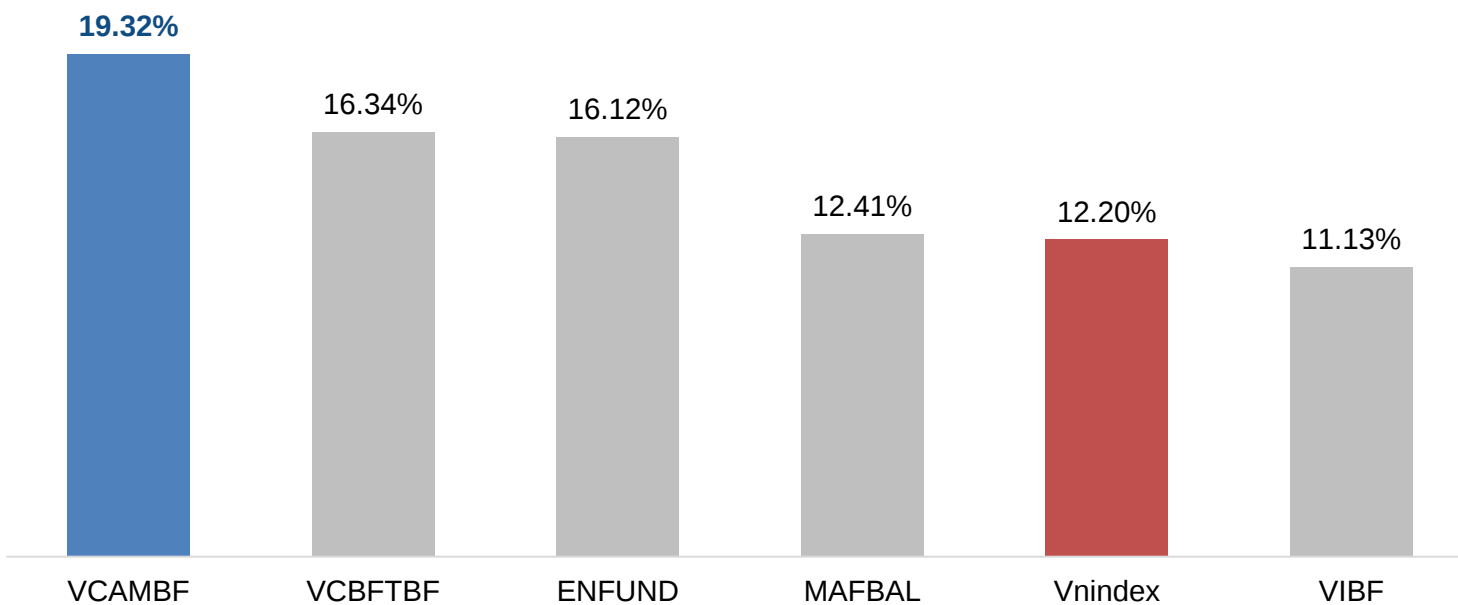
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA VCAMBF FY2023

Đvt: Vnd	01/01/2023 – 31/12/2023	01/01/2022 - 31/12/2022
DT từ tài sản có thu nhập cố định	1.677.309.341	1.593.692.656
DT từ cổ tức	1.161.894.000	1.754.103.945
DT từ mua bán cổ phiếu (Đã thực hiện)	2.543.659.853	2.118.817.045
DT từ mua bán cổ phiếu (Chưa thực hiện)	11.892.155.847	(24.560.220.645)
Chi phí hoạt động	2.194.935.484	2.370.653.181
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	15.080.083.557	(21.464.260.180)

CƠ CẤU TĂNG TRƯỞNG NAV

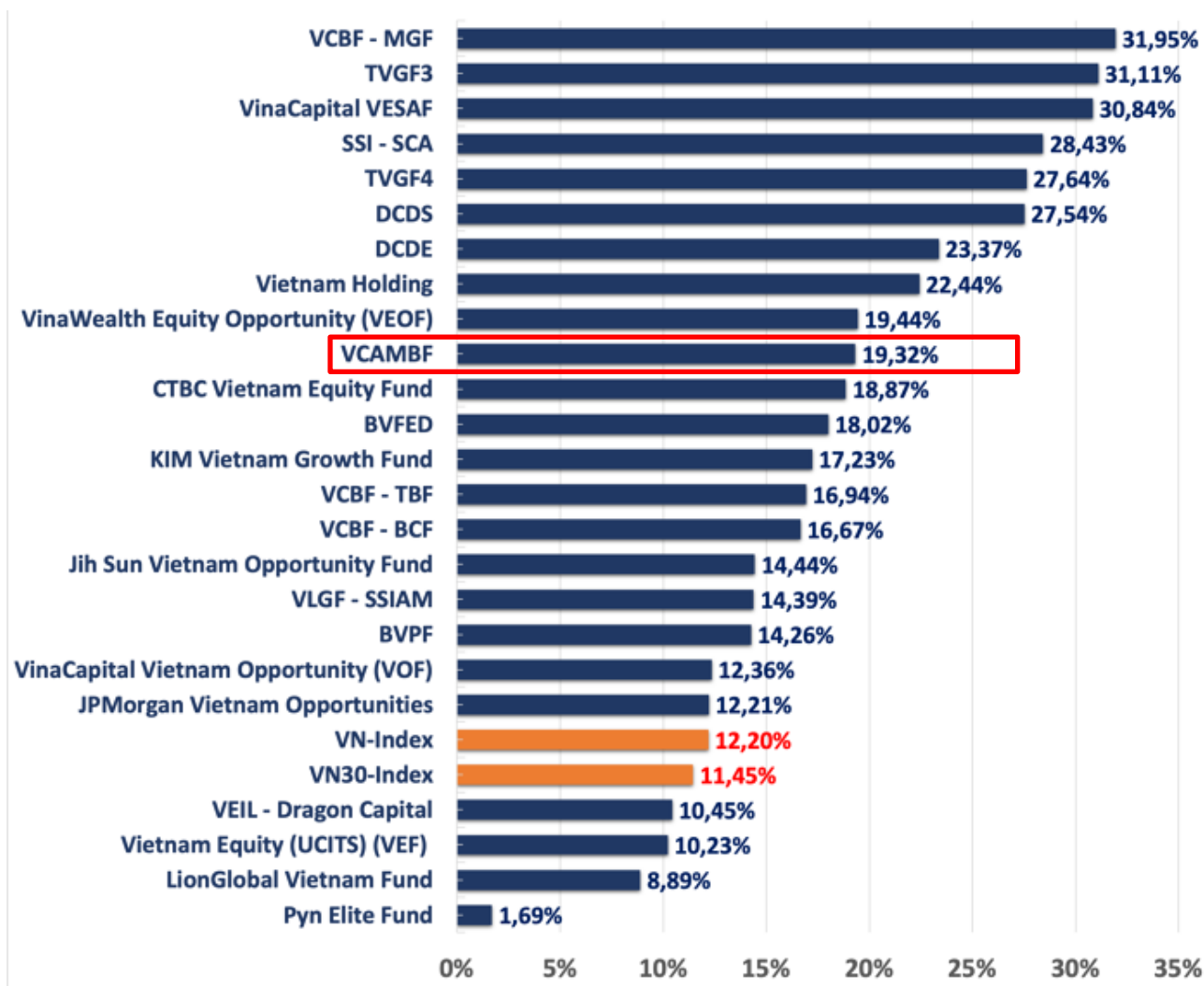


Hiệu quả Đầu tư các Quỹ Cân Bằng - 2023



HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA VCAMBF SO VỚI CÁC QUỸ MỞ 2023

Hiệu quả Đầu tư ngành Quỹ 2023



PHẦN III

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024



TRIỂN VỌNG 2024

ĐÀ HỒI PHỤC KINH TẾ TĂNG TỐC



Các chỉ báo vĩ mô chuyển biến tích cực
nhanh hơn dự kiến



Động lực từ chủ trương điều hành, đầu tư
công, thay đổi pháp lý



Mặt bằng định giá tài sản rủi ro được hỗ trợ
bởi lãi suất thấp



Nâng hạng thị trường, chuyển dịch kinh tế,
chuyển đổi năng lượng

RỦI RO LỚN VẪN TỒN TẠI NHƯNG ĐÃ HẠ NHIỆT



Rủi ro tỷ giá, dự trữ ngoại hối, tăng trưởng
tín dụng và khẩu vị rủi ro



Rủi ro lạm phát quay trở lại đe dọa chính
sách tiền tệ mở rộng



Rủi ro chính sách, các vấn đề trong nước,
địa chính trị quốc tế



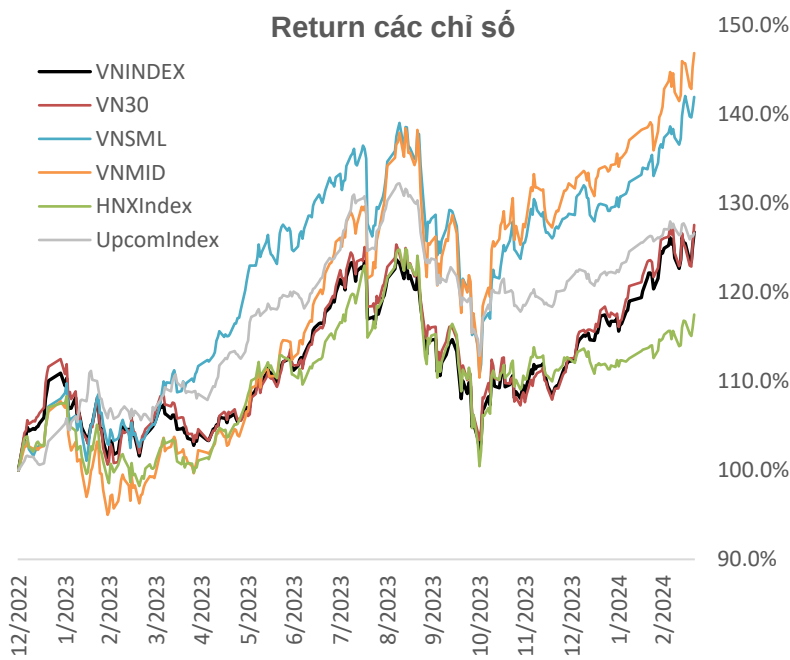
Rủi ro bong bóng tài sản

Triển vọng kinh tế năm 2024 tích cực hơn so với kỳ vọng,
nhưng cần quan sát các rủi ro lớn để ứng phó phù hợp

ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

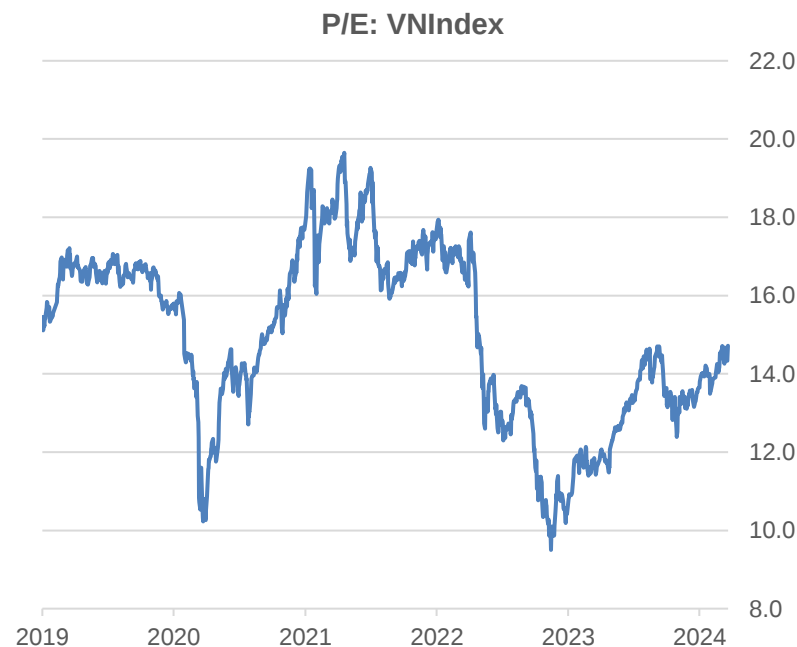
TĂNG GIÁ DIỆN RỘNG, DẪN ĐẦU BỞI MID-CAP

- Các chỉ số đều tăng trưởng tốt trong 2023 và đầu 2024
- VNIndex tăng 26,8%
- Nhóm vốn hóa lớn VN30 có mức tăng 27,5% và 33,0%
- Nhóm vốn hóa vừa và nhỏ VN MID và VNSML tăng mạnh hơn, đạt 46,9% và 41,9%
- HNX và Upcom return thấp nhất, đạt 17,5% và 26,6%



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG Ở MỨC TRUNG BÌNH

- Định giá chung không còn quá rẻ: P/E của Vnindex (14.7x) tiệm cận mức trung bình 5 năm (15x).
- Cơ hội từ cap size: Các chỉ số mid-cap, small-cap, hay HNX đang có mức P/E cao hơn lịch sử trong khi VN30 thấp hơn lịch sử.
- EPS thị trường dự kiến tăng trưởng 18-20% trong 2024



KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT

Ngành	Tăng trưởng LNST Q4-23	Tăng trưởng LNST 2023
Du lịch và giải trí	60.4%	236.1%
Dịch vụ tài chính	6801.6%	58.1%
Bảo hiểm	5.3%	18.2%
Công nghệ thông tin	30.9%	14.6%
Ngân hàng	25.4%	3.5%
Viễn thông	160.1%	2.7%
Thực phẩm và đồ uống	20.4%	(7.5%)
Tài nguyên cơ bản	175.5%	(8.4%)
Xây dựng và vật liệu	66.5%	(23.9%)
Hàng cá nhân và tiêu dùng	20.0%	(30.2%)
Hóa chất	3.1%	(53.1%)
Bán lẻ	(86.8%)	(79.1%)
Tiện ích	(24.7%)	(24.9%)
Dầu khí	(2.9%)	(22.5%)
Bất động sản	(7.8%)	5.6%
Y tế	0.0%	12.7%
Toàn thị trường	55.1%	(6.7%)
Phi tài chính	93.0%	(18.9%)

Đà tăng trưởng được kiểm chứng

Cả năm tăng trưởng âm nhưng có dấu hiệu hồi phục từ Q4

Chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng

CÁC Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ CHÍNH CỦA NĂM 2024

PHÂN BỐ TÀI SẢN: 80% CỔ PHIẾU

- Cổ phiếu là kênh đem lại lợi nhuận chủ đạo.
- 1/3 danh mục cổ phiếu cho triết lý đầu tư cổ tức tiền mặt.
- VNIndex có thể đạt **1.320 điểm** trong 2024 (+16,8% sv 2023)

PHÂN BỐ CỔ PHIẾU: ACTIVE MANAGEMENT

- Tập trung vào các nhóm ngành có triển vọng kinh doanh thuận lợi, rotate giữa các nhóm dựa trên mức định giá.
- Chủ động giảm tỷ trọng nếu các rủi ro vĩ mô trở nên rõ rệt.

NHÓM NGÀNH CHỦ ĐẠO

Ngân hàng

Chi phí giá vốn thấp, tăng vốn
MBB, VIB, ACB, STB

Cổ tức tiền mặt

Xu hướng yield hunting
DPM, DHA, VCS, PHR

Dầu khí

Giá dầu hồi phục, các đại dự án lớn
GAS, PVD, PVS, CNG

Công nghệ

Phần mềm, bán dẫn, AI
FPT, DGC, CTR

Chứng khoán

Triển vọng nâng hạng thị trường
SSI, HSC, VIX, BVS

Xuất nhập khẩu, Khu công nghiệp

Hồi phục kinh tế, dòng vốn FDI
VHC, ADS, STK, PHR

Catalyst đặc thù

Tái cấu trúc, chuyển sàn, M&A
MCM, EVF

Kinh doanh tạo đáy

Đáy chu kỳ kinh doanh
MWG, HPG, VNM

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU 2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Áp lực đáo hạn vào năm 2024 và 2025 là tương đối lớn khi nhiều trái phiếu đáo hạn vào 2023 được gia hạn thêm 1 đến 2 năm. Từ đầu năm 2023, khoảng 36.915 tỷ đồng trái phiếu đã được kéo dài thời gian đáo hạn sang giai đoạn 2024 - 2025. Giá trị trái phiếu đến hạn vào năm 2024 và 2025 lần lượt là **220.456** tỷ đồng và **222.822** tỷ đồng, trong đó có khoảng 40% là trái phiếu Bất động sản.

Hoạt động phát hành Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có thể trầm lắng trở lại, khi các điều khoản trong NĐ65 bao gồm: quy định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, quy định xếp hạng tín nhiệm bắt buộc chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024. Việc áp dụng các quy định này nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng, ổn định và phát triển thị trường Trái phiếu doanh nghiệp bền vững trong dài hạn.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VCAM-NH BF

Duy trì khoản tiền và tương đương tiền ở mức phù hợp đáp ứng nhu cầu rút vốn (nếu có) cho nhà đầu tư.

Duy trì tỷ trọng trái phiếu 70% - 80%. Khi các trái phiếu đáo hạn và tiền gửi ngân hàng đến kỳ hạn sẽ tìm mua các trái phiếu của những doanh nghiệp có cơ cấu tài chính lành mạnh, có độ rủi ro thấp để bảo toàn vốn cho Quỹ

Kỳ vọng lãi suất có thể dao động từ 6-7% trong năm 2024

PHẦN IV

CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA



CÁC VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PHÁT TRIỂN VIỆT NAM VCAM-NH

STT	Vấn đề trình ý kiến
1	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2	Tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024 cho Quỹ VCAM-NH VABF
3	Chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ năm 2023: Tổng thù lao Ban Đại Diện Quỹ năm 2023 là 108.000.000 VNĐ

CÁC VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT – VCAMBF

STT	Vấn đề trình ý kiến
1	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG
2	Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2024 cho Quỹ VCAMBF
3	Thông qua việc tiếp tục nhiệm kỳ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ: ông Trần Phát Minh, ông Cung Trần Việt và ông Huỳnh Richard Lê Minh cho giai đoạn 2024 – 2026
4	Thông qua chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ: Tổng thù lao của Ban Đại Diện Quỹ trong năm 2024 là 72.000.000 VNĐ

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN CÁC QUỸ MỞ NĂM TÀI CHÍNH 2023

Q & A



Viet Capital Asset Management

info@vietcapital.com.vn

Head office: Floor 5, HM Town Building, 412 Nguyen Thi Minh Khai, Dist.3, HCMC, Vietnam

T +8428 3823 9909 | **F** +8428 3824 6329 | **W** www.vietcapital.com.vn

Thank You



VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT